

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Hà Nội, tháng 08 năm 2020

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG	7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	10
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG	11
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ	12
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	13 - 33

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thanh Thủy	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Tuyền	Ủy viên
Ông Võ Quang Long	Ủy viên
Ông Cao Quế Lâm	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Dương Kỳ Hiệp	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hoàng Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vĩnh Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc thường trực

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc,



Dương Kỳ Hiệp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Tôi, Nguyễn Thị Thu Trang - Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2020 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị,

Nguyễn Thị Thu Trang
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Số: 123/2020/BCSX-AVI-TC1

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (“gọi tắt là Công ty”) được lập ngày 12/08/2020 và được trình bày từ trang 05 đến trang 33 bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam tại ngày 30/06/2020 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính áp dụng cho công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.



Nguyễn Thương
Phó Tổng Giám đốc
Số GCN ĐKHN kiểm toán 0308-2018-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2020

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

MẪU SỐ B01a - CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		160.827.919.574	161.036.606.033
I. Tài sản tài chính	110		144.442.138.666	145.784.162.009
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	111	5	47.038.379.484	51.107.196.682
2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	112	7.1	26.497.538.496	25.701.536.496
3. Các khoản cho vay	114	7.2	57.943.199.861	57.066.115.451
4. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	116	7.3	(21.215.406.790)	(21.150.019.302)
5. Các khoản phải thu	117	10	31.386.184.584	31.647.693.515
5.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	117.1		31.210.993.200	31.141.205.020
5.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2		175.191.384	506.488.495
5.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4		175.191.384	506.488.495
6. Trả trước cho người bán	118		251.357.330	136.816.330
7. Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119		1.723.340.655	261.497.259
8. Các khoản phải thu khác	122		8.196.349.303	8.313.491.535
9. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	129	8	(7.378.804.257)	(7.300.165.957)
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		16.385.780.908	15.252.444.024
1. Tạm ứng	131		15.318.916.516	15.136.230.703
2. Chi phí trả trước ngắn hạn	133		1.066.864.392	116.213.321
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		60.436.957.654	60.797.722.525
I. Tài sản tài chính dài hạn	210		51.600.000.000	51.600.000.000
1. Các khoản phải thu dài hạn	211	11	50.700.000.000	50.700.000.000
2. Các khoản đầu tư	212		900.000.000	900.000.000
2.1. Đầu tư dài hạn khác	212.4		900.000.000	900.000.000
II. Tài sản cố định	220		4.222.084.650	4.652.951.955
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.146.937.033	2.364.403.598
- Nguyên giá	222		29.096.421.933	29.096.421.933
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(26.949.484.900)	(26.732.018.335)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	2.075.147.617	2.288.548.357
- Nguyên giá	228		15.583.292.732	15.583.292.732
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(13.508.145.115)	(13.294.744.375)
III. Tài sản dài hạn khác	250		4.614.873.004	4.544.770.570
1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251		521.290.227	521.290.227
2. Chi phí trả trước dài hạn	252		434.578.147	565.970.827
3. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	254	14	3.659.004.630	3.457.509.516
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		221.264.877.228	221.834.328.558

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

MẪU SỐ B01a - CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		62.955.455.061	64.646.275.233
I. Nợ ngắn hạn	310		62.404.328.479	64.095.148.651
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311	18	38.753.620.274	39.240.000.000
2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		-	490.000
3. Phải trả người bán ngắn hạn	320	15	16.418.622.782	16.535.122.782
4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	321		397.000.000	325.500.000
5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	16	626.159.207	963.720.277
6. Phải trả người lao động	323		168.344.196	699.339.344
7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	324		95.449.947	75.776.808
8. Chi phí phải trả ngắn hạn	325	17	933.453.153	1.314.219.987
9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327		430.461.396	166.461.396
10. Các khoản phải trả, phải nộp khác	329	19	4.393.681.948	4.393.433.332
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	331		187.535.576	381.084.725
II. Nợ phải trả dài hạn	340		551.126.582	551.126.582
1. Quỹ bảo vệ Nhà đầu tư	355		551.126.582	551.126.582
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		158.309.422.167	157.188.053.325
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	158.309.422.167	157.188.053.325
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		150.000.000.000	150.000.000.000
<i>a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411.1a</i>		<i>150.000.000.000</i>	<i>150.000.000.000</i>
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		492.113.576	377.273.141
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		514.057.278	399.216.843
4. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	416		5.117.661.540	5.117.661.540
5. Lợi nhuận chưa phân phối	417		2.185.589.773	1.293.901.801
5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		4.197.378.467	3.450.544.424
5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		(2.011.788.694)	(2.156.642.623)
TỔNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU	440		221.264.877.228	221.834.328.558

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

CHỈ TIÊU	Mã Số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
1. Cổ phiếu đang lưu hành	006		15.000.000	15.000.000
2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	008	22.1	1.637.710.000	1.637.550.000
3. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của CTCK	009		1.420.000	1.420.000
4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	012	22.2	37.799.070.000	31.432.400.000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	021	22.3	3.396.754.480.000	3.791.291.980.000
a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		1.352.003.820.000	1.417.674.960.000
b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		13.137.390.000	16.144.330.000
c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		2.023.158.200.000	2.354.851.320.000
d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		35.970.000	35.970.000
e. Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		8.419.100.000	2.585.400.000
2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	022	22.4	48.408.260.000	48.817.730.000
a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		22.299.870.000	22.709.340.000
b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	022.2		7.100.000.000	7.100.000.000
c. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	022.3		19.008.390.000	19.008.390.000
3. Tiền gửi của khách hàng	026	22.5	60.661.728.664	44.506.189.584
3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	027		44.591.606.564	29.171.434.984
3.2 Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	028		16.070.122.100	15.334.754.600
4. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031	22.6	60.661.728.664	44.506.189.584
4.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.1		59.293.694.488	43.162.383.765
4.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	031.2		1.368.034.176	1.343.805.819

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Người lập



Nguyễn Thị Hương Ly

Kế toán trưởng



Nguyễn Quỳnh Mai

Tổng Giám đốc



Dương Kỳ Hiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

MẪU SỐ B02a - CTCK

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1.1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	1		1.531.846.087	1.253.873.700
a. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	23	1.369.805.187	288.585.600
b. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	25	162.040.900	965.288.100
1.2. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	3		2.392.231.546	3.149.003.852
1.3. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	6		2.800.532.333	1.828.798.174
1.4. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	9		1.031.596.880	600.102.977
1.5. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10		1.374.545.454	2.766.909.091
1.6. Thu nhập hoạt động khác	11		2.732.121.506	1.626.917.099
Cộng doanh thu hoạt động	20		11.862.873.806	11.225.604.893
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
2.1. Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	21		(144.853.929)	(4.974.105.610)
a. Chênh lệch giảm đánh giá lại các TSTC FVTPL	21.2	24	(144.853.929)	(4.974.105.610)
2.2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	24	24	288.879.717	4.978.734.728
2.3. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		2.451.379.884	1.590.337.125
2.4. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		645.318.417	531.200.456
2.5. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	31		520.040.574	394.640.634
2.6. Chi phí các dịch vụ khác	32		787.307.389	733.161.948
Cộng chi phí hoạt động	40		4.548.072.052	3.253.969.281
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3.1. Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	41		69.788.180	69.140
3.2. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		348.608.685	469.165.070
Cộng doanh thu hoạt động tài chính	50		418.396.865	469.234.210
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
4.1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện	51		1.216.240	-
4.2. Chi phí lãi vay	52		1.466.211.759	1.538.161.033
Cộng chi phí tài chính	60		1.467.427.999	1.538.161.033
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	26	4.866.733.154	5.359.447.452
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG	70		1.399.037.466	1.543.261.337

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
 Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

MẪU SỐ B02a - CTCK
 Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ so sánh
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
8.1. Thu nhập khác	71		691.517	4.697.158
8.2. Chi phí khác	72		15.953	29.070
Cộng kết quả hoạt động khác	80		675.564	4.668.088
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ				
9.1. Lợi nhuận đã thực hiện	91		1.254.859.101	(3.426.176.185)
9.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	92		144.853.929	4.974.105.610
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN				
10.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	27	163.503.753	-
10.2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2		-	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN				
	200		1.236.209.277	1.547.929.425
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG				
13.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	28	82	103

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Người lập



Nguyễn Thị Hương Ly

Kế toán trưởng



Nguyễn Quỳnh Mai

Tổng Giám đốc



Đương Kỳ Hiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

MẪU SỐ B03a - CTCK

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ này	Kỳ so sánh
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01	(767.536.172.374)	(337.283.854.726)
2. Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02	779.773.808.568	372.910.665.895
3. Tiền chi nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	03	-	(207.028.683)
4. Cổ tức đã nhận	04	162.040.900	965.282.100
5. Tiền lãi đã thu	05	2.867.070.765	3.166.077.725
6. Tiền chi trả lãi vay cho hoạt động của CTCK	06	(1.454.138.198)	(1.631.967.595)
7. Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07	(4.004.104.396)	(3.441.778.877)
8. Tiền chi trả cho người lao động	08	(2.926.807.697)	(2.978.894.878)
9. Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09	(4.297.717.148)	(2.722.865.386)
10. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11	277.422.698.240	198.998.811.409
11. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12	(283.458.608.187)	(194.825.480.503)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.451.929.527)	32.948.966.481
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21	(116.500.000)	(3.140.859.128)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(116.500.000)	(3.140.859.128)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay gốc	33	21.945.000.000	36.652.260.205
1.1. Tiền vay khác	33.2	21.945.000.000	36.652.260.205
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(22.445.387.671)	(68.439.279.047)
2.1. Tiền chi trả gốc vay khác	34.3	(22.445.387.671)	(68.439.279.047)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(500.387.671)	(31.787.018.842)
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ	50	(4.068.817.198)	(1.978.911.489)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	51.107.196.682	14.271.981.868
Tiền	61	51.107.196.682	14.271.981.868
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	47.038.379.484	12.293.070.379
Tiền	71	47.038.379.484	12.293.070.379

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

PHÂN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Chỉ tiêu	Mã Số	Kỳ này	Kỳ so sánh
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01	801.502.576.570	503.262.652.400
2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02	(1.418.087.105.161)	(825.007.301.259)
3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07	632.740.067.671	329.887.114.535
4. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	12	11.570.206.445	14.481.720.961
5. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	13	(11.570.206.445)	(14.103.848.646)
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	20	16.155.539.080	8.520.337.991
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30	44.506.189.584	28.271.272.342
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31	44.506.189.584	28.271.272.342
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32	29.171.434.984	28.266.930.934
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	34	15.334.754.600	4.341.408
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	40	60.661.728.664	36.791.610.333
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42	44.591.606.564	33.505.574.818
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43	16.070.122.100	2.908.163.200
- Tiền gửi của tổ chức phát hành	45	-	377.872.315

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Người lập



Nguyễn Thị Hương Ly

Kế toán trưởng



Nguyễn Quỳnh Mai

Tổng Giám đốc



Dương Kỳ Hiệp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

MÃ SỐ B04a - CTCK
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ	
	Tại 01/01/2019	Tại 01/01/2020	Tăng	Giảm	Tại 30/06/2019	Tại 30/06/2020
I. Biến động vốn chủ sở hữu						
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-	150.000.000.000	150.000.000.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-	150.000.000.000	150.000.000.000
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	347.923.202	377.273.141	29.349.939	114.840.435	377.273.141	492.113.576
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	369.866.904	399.216.843	29.349.939	114.840.435	399.216.843	514.057.278
7. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.117.661.540	5.117.661.540	-	-	5.117.661.540	5.117.661.540
8. Lợi nhuận chưa phân phối	586.998.776	1.293.901.801	4.974.105.610	3.484.876.063	2.076.228.323	2.185.589.773
8.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	8.187.178.781	3.450.544.424	-	3.484.876.063	4.702.302.718	4.197.378.467
8.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	(7.600.180.005)	(2.156.642.623)	4.974.105.610	144.853.929	(2.626.074.395)	(2.011.788.694)
Tổng cộng	156.422.450.422	157.188.053.325	5.032.805.488	3.484.876.063	157.970.379.847	158.309.422.167

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2020



(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Hương Ly

Nguyễn Quỳnh Mai

Đương Kỳ Hiệp

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 118/UBCK-GP ngày 15/09/2014 và Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK ngày 07/03/2018 do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp.

Địa chỉ liên hệ của Công ty:

Trụ sở chính: Tầng 3 - Số 59 Quang Trung - Phường Nguyễn Du - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Văn phòng tại Thành phố Hồ Chí Minh: Tầng 2 - Số 194 Nguyễn Công Trứ - Phường Nguyễn Thái Bình - Quận 1 - Thành phố Hồ Chí Minh

Điều lệ của Công ty: được ban hành ngày 15/09/2014 và sửa đổi lần 3 ngày 07/03/2018.

Đặc điểm hoạt động chính

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán, bao gồm: Tư vấn đầu tư, môi giới chứng khoán và tự doanh chứng khoán. Vốn điều lệ của Công ty là 150 tỷ đồng.

Hạn chế đầu tư của Công ty chứng khoán: được thực hiện theo quy định tại Điều 44 Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 và Điều 14 Thông tư số 07/2016/TT-BTC ngày 18/01/2016 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán

Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 sửa đổi bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210.

Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND) phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán được ban hành kèm theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30/12/2014, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27/12/2016 của Bộ Tài chính và các qui định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán phản ánh số tiền của Công ty mở tại Ngân hàng chỉ định để sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh, hoặc các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL được trình bày theo giá gốc và được phản ánh theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý trên Báo cáo tình hình tài chính của Công ty. Chênh lệch do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí từ tài sản FVTPL trên Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo. Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực. Khi có bất kỳ bằng chứng nào về sự suy giảm giá trị của các khoản cho vay, Công ty sẽ ghi nhận khoản dự phòng về suy giảm giá trị khoản cho vay vào Báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là: Các khoản cho vay và các khoản phải thu, Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Đánh giá lại các khoản đầu tư theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý

Giá trị thị trường/giá trị hợp lý của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá giá trị chứng khoán.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UpCom) thì giá chứng khoán thực tế là mức giá giao dịch thực tế trên thị trường phi tập trung (OTC) tại thời điểm gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến thời điểm đánh giá giá trị chứng khoán. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện đánh giá lại.

Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

Phản ánh dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tài sản tài chính sẵn sàng để bán và dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp.

Khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào cho thấy sự giảm giá trị của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, Công ty phải xác định giá trị của bất kỳ khoản lỗ do suy giảm giá trị của nhóm tài sản tài chính này và ghi nhận dự phòng suy giảm giá trị của các tài sản tài chính.

Mức lập dự phòng giảm giá tài sản nhận thế chấp được xác định bằng chênh lệch giữa giá trị tài sản thuần tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý và giá trị khoản cho vay tính theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý theo thỏa thuận hoặc cam kết tại Hợp đồng vay có tài sản thế chấp đã ghi nhận trên sổ kế toán tại ngày trích lập dự phòng.

Các khoản phải thu và Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Các khoản phải thu phản ánh tổng giá trị các khoản phải thu về bán tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng phải thu, từng nội dung phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản trị của Công ty. Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại kể từ thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu được trích lập phù hợp với quy định Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán và các quy định hiện hành về trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định được ghi nhận theo mô hình giá gốc trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Năm</u>
Máy móc thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08
Phần mềm máy tính	03 - 08

Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng hợp đồng vay, giấy nhận nợ, theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Nợ phải trả

Nợ phải trả bao gồm: phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản phải trả về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán.

Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả các tổ chức về mua các tài sản tài chính chưa niêm yết không qua các Sở Giao dịch chứng khoán; theo dõi thanh toán tại ngày T+0 của mua, bán tài sản tài chính qua các Sở Giao dịch chứng khoán và các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp vật tư, hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về chi phí hoạt động của Công ty cho mục đích xác định đầy đủ chi phí hoạt động của kỳ kế toán do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, bao gồm: lãi tiền vay; chi phí giao dịch mua, bán các tài sản tài chính và chi phí hoạt động khác.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

Doanh thu hoạt động

Doanh thu, thu nhập được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận không phân biệt đã thu tiền hay chưa thu được tiền.

Lãi/lỗ từ bán các tài sản tài chính

Được xác định trên cơ sở khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn các tài sản tài chính.

Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính được ghi nhận khi Công ty có quyền được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập đối với các cổ phiếu trong danh mục tài sản tài chính của Công ty hình thành trước ngày không hưởng quyền và có Thông báo chia cổ tức của Tổ chức phát hành đã được xác lập. Cổ tức không được ghi nhận đối với các cổ phiếu giao dịch sau ngày không hưởng quyền. Đối với cổ phiếu thường chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng thu nhập.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính của Công ty được ghi nhận trên cơ sở lãi dồn tích tính theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ kế toán.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng

Doanh thu dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện ghi nhận doanh thu dịch vụ quy định tại Chuẩn mực Doanh thu.

Doanh thu đã thực hiện được xác định trên cơ sở doanh thu thuần: Doanh thu ban đầu đã giảm trừ các khoản giảm trừ doanh thu (Nếu có) phát sinh trong kỳ kế toán.

Doanh thu dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng được xác nhận là hoàn thành trên cơ sở đã được khách hàng thanh toán ngay bằng tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc cam kết sẽ thanh toán (Ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các chứng từ liên quan khác) hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng thực hiện trên các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán mà Công ty được cấp phép hoạt động.

Doanh thu dịch vụ cung cấp cho khách hàng bao gồm:

- *Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán;*
- *Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán;*
- *Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán;*
- *Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính;*
- *Và thu nhập từ một số hoạt động khác.*

Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động phản ánh các khoản lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh và chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

Lỗ và chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính, hoạt động tự doanh phản ánh các khoản lỗ do bán các tài sản tài chính FVTPL, chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL, chênh lệch giảm do đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL và các khoản lỗ, tổn thất về các tài sản tài chính thuộc Danh mục đầu tư tài sản tài chính, gồm: FVTPL, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay, tài sản sẵn sàng để bán và chi phí hoạt động tự doanh.

Chi phí hoạt động dung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí có liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ của Công ty, bao gồm:

- *Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán;*
- *Chi phí nghiệp vụ tư vấn chứng khoán;*
- *Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán;*
- *Chi phí các dịch vụ tài chính khác;*
- *Chi phí dự phòng phải thu khó đòi và xử lý tổn thất phải thu khó đòi về cung cấp dịch vụ chứng khoán.*
- *Chi phí các dịch vụ khác.*

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác.

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền mặt	259.746	259.746
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK	47.038.119.738	51.106.936.936
Cộng	<u>47.038.379.484</u>	<u>51.107.196.682</u>

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỲ

	<u>Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ</u>	<u>Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ</u>
		VND
Của Công ty Chứng khoán		
- Cổ phiếu	20.119.999	134.181.299.187
- Trái phiếu	114	123.159.452.032
Của nhà đầu tư		
- Cổ phiếu	196.588.871	1.509.039.610.140
- Chứng khoán khác	348.800	73.103.300

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH****7.1 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết (*)	4.412.046.922	2.422.116.940	4.412.046.922	2.278.415.440
TNB	3.293.628.000	1.839.248.000	3.293.628.000	1.468.752.000
HMS	1.091.700.000	542.562.000	1.091.700.000	767.171.000
Khác	26.718.922	40.306.940	26.718.922	42.492.440
Cổ phiếu chưa niêm yết	22.084.891.574	22.084.891.574	21.288.889.574	21.288.889.574
Công ty cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	119.150.000	119.150.000	119.150.000	119.150.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	21.964.002.000	21.964.002.000	21.168.000.000	21.168.000.000
Khác	1.739.574	1.739.574	1.739.574	1.739.574
Trái phiếu	600.000	600.000	600.000	600.000
DBC	600.000	600.000	600.000	600.000
Cộng	26.497.538.496	24.507.608.514	25.701.536.496	23.567.905.014

(*) Một số cổ phiếu niêm yết Công ty đang nắm giữ hiện được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Thăng Long (Xem thêm tại Thuyết minh số 18).

7.2 Các khoản phải thu và cho vay

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cho vay margin	36.431.550.096	35.197.247.464	38.104.125.729	36.869.823.097
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán	2.878.784.550	2.878.784.550	329.124.507	329.124.507
Cho vay tài sản tài chính khác	18.632.865.215	663.549.751	18.632.865.215	873.791.168
Cộng	57.943.199.861	38.739.581.765	57.066.115.451	38.072.738.772

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B09a - CTCK

7.3 Về tình hình biến động các khoản đầu tư theo nhóm do đánh giá lại theo giá thị trường hoặc theo giá trị ghi sổ (Đối với các khoản đầu tư không có giá trị thị trường) cuối kỳ

STT	Loại TSTC	Cơ sở lập dự phòng kỳ này				Giá trị lập dự phòng năm trước	Mức trích lập hoặc hoàn nhập kỳ này
		Số lượng	Giá số sách kế toán	Giá trị trường tại thời điểm lập BCTC	Giá trị lập dự phòng kỳ này		
		VND	VND	VND	VND	VND	VND
I	FVTPL	3.943.766	26.497.538.496	24.507.608.514	2.011.788.694	2.156.642.623	(144.853.929)
	Cổ phiếu niêm yết						
	TNB	132.320	3.293.628.000	1.839.248.000	1.454.380.000	1.824.876.000	(370.496.000)
	HMS	29.170	1.091.700.000	542.562.000	549.138.000	324.529.000	224.609.000
	Khác	2.281	26.718.922	40.306.940	8.270.694	7.237.623	1.033.071
	Cổ phiếu chưa niêm yết						
	Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông	119.150	119.150.000	119.150.000	-	-	-
	Ngân hàng TMCP Phương Đông	3.660.667	21.964.002.000	21.964.002.000	-	-	-
	Khác	172	1.739.574	1.739.574	-	-	-
	Trái phiếu	6	600.000	600.000	-	-	-
II	TSTC cho vay	57.943.199.861	38.739.581.765	19.203.618.096	18.993.376.679	210.241.417	
	Cộng	84.440.738.357	63.247.190.279	21.215.406.790	21.150.019.302	65.387.488	

8. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ CÁC KHOẢN PHẢI THU

Loại phải thu khó đòi	Thời gian quá hạn	Giá trị phải thu khó đòi tại 30/06/2020	Số dự phòng đầu năm		Số trích lập/phân loại lại trong kỳ		Số hoàn nhập trong kỳ		Số dự phòng cuối kỳ	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Phải thu khác										
Bà Nguyễn Thị Hà Phương	> 3 năm	3.385.810.294	3.385.810.294	-	-	-	-	-	3.385.810.294	
Ông Đặng Vũ Thành	> 3 năm	3.722.325.349	3.722.325.349	-	-	-	-	-	3.722.325.349	
Các đối tượng khác	> 3 năm	192.030.314	192.030.314	-	-	-	-	-	192.030.314	
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp										
Các đối tượng khác	> 3 năm	79.108.250	-	78.638.300	-	-	-	-	78.638.300	
Cộng		7.379.274.207	7.300.165.957	78.638.300	78.638.300	-	-	-	7.378.804.257	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Các tài sản tài chính FVTPL	2.011.788.694	2.156.642.623
- <i>Cổ phiếu</i>	2.011.788.694	2.156.642.623
Các khoản cho vay	19.203.618.096	18.993.376.679
Cộng	<u>21.215.406.790</u>	<u>21.150.019.302</u>

10. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Phải thu bán các tài sản tài chính	31.210.993.200	31.141.205.020
- Tổng công ty Cổ phần Khoan và dịch vụ Dầu khí (PVD) (*)	23.229.494.200	23.159.706.020
- Phải thu các khoản khác	7.981.499.000	7.981.499.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	175.191.384	506.488.495
- Dự thu lãi cho vay Margin	175.191.384	490.181.646
- Dự thu lãi các tài sản tài chính khác	-	16.306.849
Cộng	<u>31.386.184.584</u>	<u>31.647.693.515</u>

(*) Khoản phải thu theo hợp đồng chuyển nhượng quyền vốn góp của Công ty ngày 30/12/2008 và Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 25/04/2011 về việc chuyển nhượng quyền góp vốn dự án tòa nhà Sailing Tower 51 Nguyễn Thị Minh Khai, quận 1, TP Hồ Chí Minh do Tổng Công ty xây dựng số 1 - CC1 là chủ đầu tư. Theo đó, PVD - bên mua, đồng ý nhận chuyển nhượng quyền góp vốn của VIS vào Dự án trên. Khi đó PVD sẽ được hưởng toàn bộ quyền và lợi ích của VIS theo hợp đồng hợp tác kinh doanh 2006 giữa VIS và Tổng công ty Xây dựng số 1 (CC1). Tại ngày 30/06/2020, PVD còn phải thanh toán cho VIS số tiền là 996.974 USD (tương đương 23.229.494.200 đồng), đồng thời VIS còn phải trả cho CC1 số tiền 16.418.319.982 đồng (xem Thuyết minh số 17). Các bên đã cam kết sau khi tòa nhà Sailing Tower được hoàn công và CC1 hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết để có đủ cơ sở chuyển nhượng quyền sở hữu diện tích tầng 4 tòa nhà Sailing Tower cho PVD thì VIS sẽ chuyển trả số tiền 16.418.319.982 đồng cho CC1, đồng thời VIS yêu cầu PVD thanh toán số tiền 996.974 USD cho VIS.

Theo biên bản làm việc ngày 11/09/2019 giữa Công ty và PVD, Công ty vẫn liên lạc và làm việc với CC1 để yêu cầu CC1 tích cực làm việc với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để hoàn tất các giấy tờ, thủ tục nêu trên. Tuy nhiên, do có phát sinh một số vướng mắc về mặt thủ tục và giấy tờ nên các thủ tục pháp lý vẫn chưa được hoàn tất dẫn đến việc Công ty và CC1 chưa thực hiện được cam kết trong hợp đồng đúng hạn. Do đó, PVD vẫn ghi nhận và tiếp tục sử dụng diện tích tòa nhà được bàn giao theo Hợp đồng, đồng thời đề nghị Công ty tiếp tục thực hiện các giải pháp cần thiết để PVD được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu diện tích Tòa nhà tương ứng theo quy định.

11. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

Là khoản tiền 50.700.000.000 đồng đã chuyển cho Công ty Cổ phần Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Tây Ninh theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01112016/HĐHTĐT ngày 01/11/2016 và phụ lục hợp đồng ngày 30/11/2017 về việc đầu tư dự án Cao ốc văn phòng làm việc tại địa chỉ số 120 Hai Bà Trưng, phường Đakao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam thỏa thuận tham gia góp 13,45% tổng vốn đầu tư của dự án tương ứng với số tiền là 50,7 tỷ đồng, khi dự án hoàn thành Công ty sẽ được chuyển nhượng 13,45% diện tích của dự án để làm trụ sở mà không

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

phải thanh toán bất kỳ một khoản tiền thuê nào khác. Thời hạn của dự án là 48 tháng kể từ ngày khởi công. Hiện tại, chủ đầu tư đang tiếp tục các bước triển khai Dự án.

12. TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2020	27.360.761.953	1.735.659.980	29.096.421.933
Tại ngày 30/06/2020	27.360.761.953	1.735.659.980	29.096.421.933
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2020	24.996.358.355	1.735.659.980	26.732.018.335
Khấu hao trong kỳ	217.466.565	-	217.466.565
Tại ngày 30/06/2020	25.213.824.920	1.735.659.980	26.949.484.900
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2020	2.364.403.598	-	2.364.403.598
Tại ngày 30/06/2020	2.146.937.033	-	2.146.937.033
<i>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao đang sử dụng</i>	21.994.944.610	1.735.659.980	23.730.604.590
<i>Nguyên giá TSCĐ không sử dụng</i>	1.892.653.961	-	1.892.653.961
<i>Nguyên giá TSCĐ chờ thanh lý</i>	478.394.490	-	478.394.490

13. TÌNH HÌNH TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2020	15.583.292.732	15.583.292.732
Tại ngày 30/06/2020	15.583.292.732	15.583.292.732
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2020	13.294.744.375	13.294.744.375
Khấu hao trong kỳ	213.400.740	213.400.740
Tại ngày 30/06/2020	13.508.145.115	13.508.145.115
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2020	2.288.548.357	2.288.548.357
Tại ngày 30/06/2020	2.075.147.617	2.075.147.617
<i>Nguyên giá TSCĐ hết khấu hao đang sử dụng</i>	12.218.380.882	12.218.380.882

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung hàng năm	3.337.509.516	3.337.509.516
Tiền lãi phân bổ hàng năm	201.495.114	-
Cộng	<u>3.659.004.630</u>	<u>3.457.509.516</u>

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tổng công ty Xây dựng số 1 (*)	16.418.319.982	16.418.319.982
Phải trả nhà cung cấp khác	302.800	116.802.800
Cộng	<u>16.418.622.782</u>	<u>16.535.122.782</u>

(*) Khoản phải trả Tổng công ty Xây dựng số 1 (CC1) về việc hợp tác đầu tư và chuyển giao một phần diện tích tòa nhà Sailing Tower theo hợp đồng hợp tác kinh doanh năm 2006 (xem Thuyết minh số 10).

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC

	<u>01/01/2020</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>30/06/2020</u>
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	49.628.538	146.624.302	157.996.429	38.256.411
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	163.503.753	-	163.503.753
Thuế thu nhập cá nhân	914.091.739	3.762.614.123	4.252.306.819	424.399.043
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	<u>963.720.277</u>	<u>4.075.742.178</u>	<u>4.413.303.248</u>	<u>626.159.207</u>

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	110.164.162	189.433.153
Chi phí phải trả Sở giao dịch chứng khoán	55.590.482	28.574.197
Chi phí phải trả Freewill	368.792.400	689.353.720
Các khoản khác	398.906.109	406.858.917
Cộng	<u>933.453.153</u>	<u>1.314.219.987</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2020	Vay trong kỳ	Trả trong kỳ	30/06/2020
	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Thăng Long (i)	29.500.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	29.500.000.000
Vay cá nhân (ii)	9.740.000.000	6.959.007.945	7.445.387.671	9.253.620.274
Cộng	39.240.000.000	21.959.007.945	22.445.387.671	38.753.620.274

(i) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng tín dụng số 0252/2019/HĐTD-OCB-DN ngày 10/07/2019. Hạn mức cho vay tối đa 50 tỷ đồng với thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Mục đích của khoản vay để bổ sung vốn lưu động tự kinh doanh chứng khoán, môi giới chứng khoán và các hoạt động khác liên quan đến chứng khoán phù hợp với quy định. Thời hạn và lãi suất của khoản vay được xác định theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo của khoản vay bao gồm 12.497.796 cổ phiếu của Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam thuộc sở hữu của các ông Cao Quế Lâm, Trần Bình Ôn, Nguyễn Anh Tuấn, Trần Quyết Tiến, bà Nguyễn Thị Thu Trang, Nguyễn Thị Thanh Hương và Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt; các cổ phiếu hiện Công ty đang nắm giữ bao gồm 132.320 cổ phiếu TNB, 29.170 cổ phiếu HMS và 550.000 cổ phiếu VSA thuộc sở hữu của ông Cao Quế Lâm (cổ đông của Công ty) cùng 500.000 cổ phiếu BSL của Công ty cổ phần Thực phẩm Xanh (bên thứ ba).

(ii) Hợp đồng vay cá nhân kỳ hạn từ 3 tháng đến 6 tháng với lãi suất từ 8,5% - 9,2%/năm được quy định cụ thể trên từng hợp đồng, lãi vay được trả cuối kỳ, nếu không có bất cứ thỏa thuận nào khác gốc vay được gia hạn theo kỳ hạn ban đầu, mục đích vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***19. PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Bà Phạm Thị Lan Hương	1.550.000.000	1.550.000.000
Các khoản khác	2.843.681.948	2.843.433.332
Cộng	<u>4.393.681.948</u>	<u>4.393.433.332</u>

20. PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Phải trả gốc margin	36.431.550.096	38.104.125.729
Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	2.878.784.550	329.124.507
Phải trả các khoản khác	18.632.865.215	18.632.865.215
Cộng	<u>57.943.199.861</u>	<u>57.066.115.451</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09a - CTCK

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tình hình biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Tại ngày 01/01/2019	150.000.000.000	347.923.202	369.866.904	5.117.661.540	586.998.776	156.422.450.422					
Lãi trong năm	-	-	-	-	765.602.903	765.602.903					765.602.903
Phân phối lợi nhuận	-	29.349.939	29.349.939	-	(58.699.878)						
Tại ngày 31/12/2019	150.000.000.000	377.273.141	399.216.843	5.117.661.540	1.293.901.801	157.188.053.325					
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	1.236.209.277	1.236.209.277					1.236.209.277
Phân phối lợi nhuận (*)	-	114.840.435	114.840.435	-	(344.521.305)	(114.840.435)					
Tại ngày 30/06/2020	150.000.000.000	492.113.576	514.057.278	5.117.661.540	2.185.589.773	158.309.422.167					

(*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/06/2020, chi tiết: Trích quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ 114.840.435 đồng, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 114.840.435 đồng và quỹ khen thưởng phúc lợi 114.840.435 đồng.

Chi tiết vốn chủ sở hữu:

	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị VND	Tỷ lệ %	Giá trị VND	Tỷ lệ %
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt	90.000.000.000	60%	90.000.000.000	60%
Ông Cao Quế Lâm	15.659.780.000	10%	15.659.780.000	10%
Các đối tượng khác	44.340.220.000	30%	44.340.220.000	30%
Cộng	150.000.000.000	100%	150.000.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22. THUYẾT MINH MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG****22.1. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.637.710.000	1.637.550.000
Cộng	<u>1.637.710.000</u>	<u>1.637.550.000</u>

22.2. TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Cổ phiếu	37.798.470.000	31.431.800.000
Trái phiếu	600.000	600.000
Cộng	<u>37.799.070.000</u>	<u>31.432.400.000</u>

22.3. TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	1.352.003.820.000	1.417.674.960.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	13.137.390.000	16.144.330.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	2.023.158.200.000	2.354.851.320.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	35.970.000	35.970.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	8.419.100.000	2.585.400.000
Cộng	<u>3.396.754.480.000</u>	<u>3.791.291.980.000</u>

22.4. TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	22.299.870.000	22.709.340.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	7.100.000.000	7.100.000.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, cầm cố	19.008.390.000	19.008.390.000
Cộng	<u>48.408.260.000</u>	<u>48.817.730.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****MẪU SỐ B09a - CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***22.5. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	44.591.606.564	29.171.434.984
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	16.070.122.100	15.334.754.600
Cộng	<u>60.661.728.664</u>	<u>44.506.189.584</u>

22.6. PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		
- Của Nhà đầu tư trong nước	59.293.694.488	43.162.383.765
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	1.368.034.176	1.343.805.819
Cộng	<u>60.661.728.664</u>	<u>44.506.189.584</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B09a - CTCK

23. LÃI BÁN CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

	Số lượng bán	Giá bán	Tổng giá trị bán	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch	Lãi bán chứng khoán kỳ này		Lãi bán chứng khoán kỳ trước	
					VND	VND	VND	VND
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL			128.957.277.203	127.587.472.016	1.369.805.187	288.585.600	288.585.600	
1. Cổ phiếu chưa niêm yết			67.363.301.187	66.021.996.000	1.341.305.187	288.585.600	288.585.600	
- OCB	9.741.666	6.915	67.363.301.187	66.021.996.000	1.341.305.187	288.585.600	288.585.600	
2. Trái phiếu niêm yết			61.593.976.016	61.565.476.016	28.500.000	-	-	
Công ty Cổ phần Tập Đoàn FLC	29	1.079.204.633	31.296.934.371	31.282.434.371	14.500.000	-	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Golf Long Thành	28	1.082.037.202	30.297.041.645	30.283.041.645	14.000.000	-	-	
Cộng			128.957.277.203	127.587.472.016	1.369.805.187	288.585.600	288.585.600	

24. CHÉNH LỆCH GIÁM ĐÁNH GIÁ LẠI CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH FVTPL

Danh mục các loại tài sản tài chính FVTPL	30/06/2020	Giá thị trường hoặc Giá trị hợp lý	Chênh lệch đánh giá lại kỳ này		Chênh lệch đánh giá lại năm trước		Chênh lệch điều chỉnh số kế toán kỳ này	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND
FVTPL	26.497.538.496	24.507.608.514	2.011.788.694	2.156.642.623	(144.853.929)	(144.853.929)		
Cổ phiếu niêm yết	4.412.046.922	2.422.116.940	2.011.788.694	2.156.642.623	(144.853.929)	(144.853.929)		
Cổ phiếu chưa niêm yết	22.084.891.574	22.084.891.574	-	-	-	-		
Trái phiếu	600.000	600.000	-	-	-	-		
Các khoản cho vay và phải thu	57.943.199.861	38.739.581.765	19.203.618.096	18.993.376.679	210.241.417	210.241.417		
Cộng	84.440.738.357	63.247.190.279	21.215.406.790	21.150.019.302	65.387.488	65.387.488		

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. CỔ TỨC, TIỀN LÃI PHÁT SINH TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Cổ tức nhận được	162.040.900	965.288.100
Cộng	162.040.900	965.288.100

26. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản khác BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	1.943.042.503	2.297.931.645
Chi phí vật tư văn phòng	231.698.454	255.187.182
Chi phí công cụ, dụng cụ	13.169.277	11.475.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	94.004.810	93.167.948
Thuế, phí và lệ phí	430.867.305	365.648.267
Chi phí dự phòng	147.097.543	153.217.653
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	-
Chi phí khác	1.686.471.594	1.833.453.998
Trong đó:		
<i>Thù lao Ban kiểm soát</i>	320.381.668	349.365.759
Cộng	66.000.000	60.000.000
	4.866.733.154	5.359.447.452

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.399.713.030	1.547.929.425
Các khoản điều chỉnh:	(231.829.080)	(965.288.100)
Trừ:	(231.829.080)	(965.288.100)
- Thu nhập từ cổ tức	(162.040.900)	(965.288.100)
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại công nợ phải thu năm nay	(69.788.180)	-
Thu nhập chịu thuế	1.167.883.950	582.641.325
Chuyển lỗ	-	(582.641.325)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	233.576.790	-
Giảm thuế TNDN (*)	70.073.037	-
Chi phí thuế TNDN sau giảm thuế	163.503.753	-

(*) Công ty tạm xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm khi tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp 6 tháng đầu năm theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/06/2020 của Quốc hội.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

MẪU SỐ B09a - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.236.209.277	1.547.929.425
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ	1.236.209.277	1.547.929.425
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	82	103

29. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có giao dịch với bên liên quan sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt	Cổ đông nắm giữ 60% vốn điều lệ
Ông Cao Quế Lâm	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Dương Kỳ Hiệp	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hoàng Minh	Phó Tổng Giám đốc

Số dư với các bên liên quan

	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt		
Phải thu phí lưu ký, phí phong tỏa tài khoản	-	28.400.000
Tạm ứng		
Ông Dương Kỳ Hiệp	2.958.000.000	3.231.040.000
Ông Vũ Hoàng Minh	2.576.040.000	1.960.000.000
Ông Cao Quế Lâm	7.000.000.000	7.000.000.000

Giao dịch với các bên liên quan

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ so sánh</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Hướng Việt		
Doanh thu từ Hợp đồng hợp tác đầu tư	2.191.232.877	468.493.151
Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc	1.547.700.000	1.448.700.000

30. ẢNH HƯỞNG CỦA DỊCH BỆNH COVID 19 ĐẾN VIỆC LẬP VÀ TRÌNH BÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Dịch viêm đường hô hấp Covid -19 bắt đầu từ cuối năm 2019 tại Vũ Hán - Trung Quốc, hiện nay đã lan tới 200 nước và vùng lãnh thổ trên toàn cầu. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến phức tạp và chưa có dấu hiệu giảm. Tại Việt Nam, dịch bệnh cơ bản đã được kiểm soát, tuy vậy ảnh hưởng của dịch Covid 19 đến toàn bộ nền kinh tế cũng như thị trường chứng khoán là rất lớn. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 4/3/2020 về các nhiệm vụ, giải pháp cấp bách tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, bảo đảm an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã chỉ đạo các đơn vị liên quan rà soát tất cả các dịch vụ chứng khoán do Nhà nước định giá, trên cơ sở đó, ngày 18/3, Bộ Tài chính đã kịp thời ban hành Thông tư số 14/2020/TT-BTC, trong đó giảm giá và miễn hoàn toàn không thu đối với 15 loại dịch vụ chứng khoán nhằm hỗ trợ thị trường chứng khoán trước ảnh hưởng của dịch Covid-19.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

MẪU SỐ B09a - CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đang tiếp tục theo dõi biến động của thị trường, đánh giá rủi ro một cách thận trọng để có các quyết định phù hợp đối với hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và tài chính của doanh nghiệp trong thời gian tới. Không có bất kỳ điều chỉnh nào đến số liệu báo cáo tài chính tại ngày 30/6/2020 do ảnh hưởng của vấn đề nêu trên.

31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2020

Người lập

Nguyễn Thị Hương Ly

Kế toán trưởng

Nguyễn Quỳnh Mai

Tổng Giám đốc



Dương Kỳ Hiệp